TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung giữa chị D và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Nguyễn Văn Thụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị D, sinh năm 1993. Có mặt
Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990. Có mặt
Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh B ngay. Vợ chồng chung sống hòa, thuận hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân là do anh B không tu chí làm ăn, nợ nần bên ngoài nhiều, không quan tâm đến vợ con. Tháng 10/2020 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó đến nay chị và anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định không

còn tình cảm với anh B, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn V Anh, sinh ngày 22/12/2018, đang ở với chị, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị D kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng gia đình anh ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên cũng có lúc phát sinh những mâu thuẫn xuất phát từ khó khăn kinh tế khi hai vợ chồng lập nghiệp. Tháng 10/2020, khi anh đi làm ăn xa, chị D tự ý đem con bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Anh có nhiều lần khuyên bảo nhưng chị D không muốn hàn gắn. Mâu thuẫn của vợ chồng anh, bố mẹ và gia đình hai bên có biết, có hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Nay chị D kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh và chị D sinh được 01 con chung là Nguyễn V Anh, sinh ngày 22/12/2018. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271, 272 và 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Cho ly hôn giữa chị Chu Thị D và anh Nguyễn Văn B. Về nuôi con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn V Anh, sinh ngày 22/12/2018. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản, công nợ: Các đượng sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị D và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 19/09/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị D và anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị Chu Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị D và anh B sinh được một con chung là Nguyễn V Anh, sinh ngày 22/12/2018. Chị D anh B đều có nguyện vọng nuôi con. Xét chị D có đủ điều kiện nuôi con, cháu V Anh chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Vì vậy giao cháu V Anh cho chị D chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Chu Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị D nuôi con là Nguyễn V Anh, sinh ngày 22/12/2018. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Chu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0013298 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã M, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân